

(Làm xong hết bài thì luyện thêm quizz cho chắc nhé: [Start Playing - Quizizz](#))

BÀI TẬP SỐ 1. ĐỌC VÀ ĐIỀN TỪ VÀO CHỖ TRỐNG.

1. Meetings - late - cook - shop - park.

I am never

In the mornings, I attend

I eat lunch in the

I buy food from the

I always dinner for myself.

2. Read - Meeting - Ringing - Drink - Sick.

My colleague is

I need to some reports.

I have an important with a client.

The phone in my office is all the time.

I need to take a break and coffee.

ĐÁP ÁN PART 1:

1. *Late/meetings/park/ shop/cook*

2. *Sick/ Read/ Meeting/ Ringing/ Drink*

LÀM TIẾP PART 2:

1. Re-order / Rearrange the sentence in such a way that makes sense.

Buying a new house

- A. The first and most important thing is to choose the location.**
- B. The most important of these to look at is the price of homes.
- C. In order to choose the right place, you need to consider several factors.
- D. Such requirements of course depend on your personal circumstances.
- E. Other factors to look at are the place of employment, shops and schools.

2. Re-order / Rearrange the sentence in such a way that makes sense.

Using public cycle

- A. Go to the collection point and click on the screen to choose the bike with your bank card.**
- B. When you finish your journey, return the bike to any empty collection point.
- C. Enter the code on the lock of the bike and wait for the green lights.
- D. Choose "hire the cycle" on the screen and then follow the instructions to receive an unlock code.
- E. When the light comes, you can unlock your bike and start your journey.

3. Re-order / Rearrange the sentence in such a way that makes sense.

Instructions for new students

- A. When you arrive at the university, go to the help desk.
- B. You can use this card to borrow books from the library and access lesson materials online.
- C. He or she will enter your information into the computer and give you an identification card.
- D. A member of staff will ask for your name and your address.
- E. You will find these in material links on your home page.

4. Participate in a race.

- A. On your arrival, please go to the information point at the north gate.
- B. A member of staff will give you a numbered armband to wear.
- C. Runners must register here at least 30 minutes before the race starts at 9am.
- D. Please put this on immediately and join other competitors at the warm-up area.
- E. To do this, you just need to give us your photo card.

**Lưu ý: câu đầu được bôi đậm mỗi đoạn là đang được sắp xếp đúng. Các bạn dựa theo chủ đề để sắp xếp các câu sau nhé.*

ĐÁP ÁN PART 2:

PARAGRAPH 1	DỊCH
<p>Buying a new house</p> <p>A. The first and most important thing is to choose the location.</p> <p>C. In order to choose the right place, you need to consider several factors.</p> <p>B. The most important of these to look at is the price of homes.</p> <p>E. Other factors to look at are the place of employment, shops and schools.</p> <p>D. Such requirements of course depend on your personal circumstances.</p>	<p>Mua nhà mới</p> <p>A. Điều đầu tiên và quan trọng nhất là chọn địa điểm.</p> <p>C. Để chọn đúng nơi, bạn cần cân nhắc một số yếu tố.</p> <p>B. Điều quan trọng nhất cần xem xét là giá nhà.</p> <p>E. Các yếu tố khác cần xem xét là nơi làm việc, cửa hàng và trường học.</p> <p>D. Tất nhiên, những yêu cầu như vậy phụ thuộc vào hoàn cảnh cá nhân của bạn.</p>
PARAGRAPH 2	DỊCH

A. Go to the collection point and click on the screen to choose the bike with your bank card.

D. Choose "hire the cycle" on the screen and then follow the instructions to receive an unlock code.

C. Enter the code on the lock of the bike and wait for the green lights.

E. When the light comes, you can unlock your bike and start your journey.

B. When you finish your journey, return the bike to any empty collection point.

A. Go to the collection point and click on the screen to choose the bike with your bank card.

D. Choose "hire the cycle" on the screen and then follow the instructions to receive an unlock code.

C. Enter the code on the lock of the bike and wait for the green lights.

E. When the light comes, you can unlock your bike and start your journey.

B. When you finish your journey, return the bike to any empty collection point.

PARAGRAPH 3

DỊCH

A. When you arrive at the university, go to the help desk.

D. A member of staff will ask for your name and your address.

A. Khi bạn đến trường đại học, hãy đến bàn trợ giúp.

D. Một nhân viên sẽ hỏi tên và địa chỉ của bạn.

<p>C. He or she will enter your information into the computer and give you an identification card.</p> <p>B. You can use this card to borrow books from the library and access lesson materials online.</p> <p>E. You will find these in material links on your home page.</p>	<p>C. Người đó sẽ nhập thông tin của bạn vào máy tính và đưa cho bạn một thẻ căn cước.</p> <p>B. Bạn có thể sử dụng thẻ này để mượn sách từ thư viện và truy cập tài liệu bài học trực tuyến.</p> <p>E. Bạn sẽ tìm thấy những thông tin này trong các liên kết tài liệu trên trang chủ của mình.</p>
PARAGRAPH 4	DỊCH
<p>A. On your arrival, please go to the information point at the north gate.</p> <p>C. Runners must register here at least 30 minutes before the race starts at 9 am.</p> <p>E. To do this, you just need to give us your photo card.</p> <p>B. A member of staff will give you a numbered armband to wear.</p>	<p>A. Khi đến nơi, vui lòng đến điểm thông tin ở cổng phía bắc.</p> <p>C. Người chạy phải đăng ký tại đây ít nhất 30 phút trước khi cuộc đua bắt đầu lúc 9 giờ sáng.</p> <p>E. Để làm điều này, bạn chỉ cần đưa cho chúng tôi thẻ ảnh của bạn.</p> <p>B. Một nhân viên sẽ phát cho bạn một băng tay có số để đeo.</p>

D. Please put this on immediately and join other competitors at the warm-up area.	D. Vui lòng đeo ngay và tham gia cùng những người tham gia khác tại khu vực khởi động.
---	--

PART 3:

TOPIC: VOLUNTEERING TO CLEAN A LOCAL PARK

Read the four opinions posted on volunteering to clean a local park. Then, answer the questions.

- 1. Who thinks the park is a beautiful place to relax?**
- 2. Who can't help because of busy life?**
- 3. Who will ask other people to help?**
- 4. Who thinks cleaning should happen regularly?**
- 5. Who thinks volunteering is important for children?**
- 6. Who thinks other local areas need cleaning?**
- 7. Volunteering will help with future employment/job?**

Person A

I just have too much work that I don't have much free time for myself. This tight schedule makes it impossible for me to join in the park cleaning. I work all week, and the only time I go out is on weekends with my family. We usually visit the park to play games and take a walk. I am relieved to hear that the park

will be cleaned by the children volunteering from the school nearby. I believe these experiences will benefit them in the future, helping them sharpen skills needed for their future careers.

Person B

I adore the gorgeous scenery and fresh air at the park. Therefore, I always bring my family to the park to relax. My husband and I are always willing to do some volunteer work, so I will ask my husband to help out since he usually doesn't do much anyway. I will make specific plans for everyone in the neighborhood to follow so the park could be cleaned in no time.

Person C

The park plays an important role in teaching children about responsibility through volunteering. Cleaning the local park not only helps keep the environment clean but also teaches kids the value of teamwork and dedication. We admire their efforts to protect nature, whether it's picking up trash or planting flowers. Volunteering is a great way for children to improve their skills and mindset while making a positive impact on our community.

Person D

This is a reminder that not just the park, but other areas in our town also need regular cleaning. Keeping our neighborhoods clean is important for a healthy environment. The community should work together to organize cleaning events more often, as ignoring trash can harm wildlife and make the area unpleasant. By joining these efforts, residents can take pride in their surroundings and make sure everyone has a nice place to enjoy.

ĐÁP ÁN PART 3.1 TOPIC: VOLUNTEERING TO CLEAN A LOCAL PARK

1. Who thinks the park is a beautiful place to relax?

👉 Person B

📌 *Trích dẫn:* “I adore the gorgeous scenery and fresh air at the park. Therefore, I always bring my family to the park to relax.”

📖 *Dịch:* “Tôi rất yêu khung cảnh tuyệt đẹp và không khí trong lành ở công viên. Vì vậy, tôi luôn đưa gia đình đến công viên để thư giãn.”

2. Who can't help because of busy life?

👉 Person A

📌 *Trích dẫn:* “I just have too much work that I don't have much free time for myself. This tight schedule makes it impossible for me to join in the park cleaning.”

📖 *Dịch:* “Tôi có quá nhiều công việc đến mức không có nhiều thời gian rảnh cho bản thân. Lịch trình bận rộn này khiến tôi không thể tham gia dọn dẹp công viên.”

3. Who will ask other people to help?

👉 Person B

📌 *Trích dẫn:* “I will ask my husband to help out since he usually doesn't do much anyway.”

📖 *Dịch:* “Tôi sẽ nhờ chồng giúp vì anh ấy thường không làm gì mấy.”

4. Who thinks cleaning should happen regularly?

👉 Person D

📌 *Trích dẫn:* “The community should work together to organize cleaning events more often.”

📖 *Dịch:* “Cộng đồng nên cùng nhau tổ chức các hoạt động dọn dẹp thường xuyên hơn.”

5. Who thinks volunteering is important for children?

👉 Person C

📌 *Trích dẫn:* “The park plays an important role in teaching children about responsibility through volunteering.”

📖 *Dịch:* “Công viên đóng vai trò quan trọng trong việc dạy trẻ em về trách nhiệm thông qua các hoạt động tình nguyện.”

6. Who thinks other local areas need cleaning?

👉 Person D


📌 *Trích dẫn:* “This is a reminder that not just the park, but other areas in our town also need regular cleaning.”

📖 *Dịch:* “Đây là lời nhắc nhở rằng không chỉ công viên, mà những khu vực khác trong thị trấn cũng cần được dọn dẹp thường xuyên.”

7. Volunteering will help with future employment/job?

👉 Person A

📌 *Trích dẫn:* “I believe these experiences will benefit them in the future, helping them sharpen skills needed for their future careers.”

 **Dịch:** “Tôi tin rằng những trải nghiệm này sẽ có lợi cho các em trong tương lai, giúp các em rèn luyện những kỹ năng cần thiết cho sự nghiệp sau này.”

PART 3.2: TOPIC: VISIT AN ISLAND.

Four people respond in the comments section of an online newspaper about their last holiday, Read their comments and answer the questions below.

- 1. forgot something to bring.*
- 2. liked buying things on the island. (souvenir)*
- 3. spent a lot of money on transport.*
- 4. loved eating food here.*
- 5. liked to walk.*
- 6. thought public transport could be improved.*
- 7. liked being alone.*

Ali: I went to this island to visit some remote beaches. I thought walking shoes would be helpful. However, when I arrived, I realized that I had forgotten to bring them. The remoteness means there are no other visitors. It is good, but it has its downside. There is nowhere to buy food and drink, so I have to bring my own.

Bruno: Being an architect, when I go abroad, I am very curious about the construction of local buildings. I often lay down at the beach and buy some souvenirs at the local shop. This time, I traveled by taxi to go around. There is

no one to share so the cost is high. However, it's worth it because I could see some beautiful traditional houses.

Carla: The sharp bends of the island look dangerous and that put me off hiring a car, especially when it is costly. Therefore, I chose to travel by bus. However, the bus service is not very frequent. If they improve it, it would be perfect. I visit some famous places near my hotel on foot. I love it because I can see many beautiful locations.

Deniz: I stayed in a village and ate at various local restaurants. I cannot recommend a specific dish because everything was amazing. However, if you want to cook by yourself, you would need to take a bus to the town. There is a street market where you can buy some local products. I had some real bargains there.

ĐÁP ÁN PART 3.2 TOPIC: VISIT AN ISLAND.

1. forgot something to bring – quên mang theo đồ

→ **Ali**

Trích dẫn:

"I thought walking shoes would be helpful. However, when I arrived, I realized that I had forgotten to bring them."

Dịch:

Tôi nghĩ giày đi bộ sẽ rất hữu ích. Tuy nhiên, khi đến nơi, tôi mới nhận ra mình đã quên mang theo chúng.

2. liked buying things on the island – thích mua đồ lưu niệm trên đảo

→ **Bruno**

Trích dẫn:

"I often lay down at the beach and buy some souvenirs at the local shop."

Dịch:

Tôi thường nằm thư giãn trên bãi biển và mua một vài món đồ lưu niệm ở cửa hàng địa phương.

3. spent a lot of money on transport – tốn nhiều tiền cho việc di chuyển

→ Bruno

Trích dẫn:

"I traveled by taxi to go around. There is no one to share so the cost is high."

Dịch:

Tôi đi taxi để di chuyển. Không có ai đi chung nên chi phí khá cao.

4. loved eating food here – rất thích đồ ăn ở đây

→ Deniz

Trích dẫn:

"I cannot recommend a specific dish because everything was amazing."

Dịch:

Tôi không thể giới thiệu món nào cụ thể vì món nào cũng tuyệt vời cả.

5. liked to walk – thích đi bộ

→ Carla

Trích dẫn:

"I visit some famous places near my hotel on foot. I love it because I can see many beautiful locations."

Dịch:

Tôi đi bộ đến một số địa điểm nổi tiếng gần khách sạn. Tôi rất thích vì có thể ngắm nhiều nơi đẹp.

6. thought public transport could be improved – nghĩ rằng phương tiện công cộng cần cải thiện

→ Carla

Trích dẫn:

"The bus service is not very frequent. If they improve it, it would be perfect."

Dịch:

Dịch vụ xe buýt không thường xuyên lắm. Nếu được cải thiện thì sẽ hoàn hảo.

7. liked being alone – thích ở một mình

→ Ali

Trích dẫn:

"The remoteness means there are no other visitors. It is good..."

Dịch:

Vì nơi này hẻo lánh nên không có du khách nào khác. Điều đó thật tốt...

PART 4. TINY HOUSE

Choose the correct heading for each paragraph from the list of headings below.

1. *Homes are too big with few people.*

2. *Making a small impact.*

3. *Motivated to adapt to the situation.*

4. *Sharing skills with other people.*

5. *The lasting change.*

6. Live on a small scale.

7. Advantages of Living in a Small House.

A. Choosing to live in a tiny house is a conscious decision to reduce your living space and simplify your life. By scaling down, people are often able to focus on what truly matters, eliminating unnecessary clutter and distractions. Living on a smaller scale also means fewer household responsibilities, allowing more time for personal interests and hobbies.

B. One of the biggest challenges of moving into a tiny house is adapting to the limited space. This often requires a shift in mindset, learning to prioritize essentials and making creative use of every square inch. Those who successfully adapt often find that the constraints lead to a more intentional and mindful lifestyle, where each *possession*(*quyền quyết định*) and decision holds *greater significance*(*ý nghĩa lớn hơn*).

C. There are numerous benefits to living in a tiny house, including reduced living costs, lower energy consumption, and a smaller environmental footprint. The *simplicity*(*sự đơn giản*) of a small home can lead to a more sustainable and financially secure lifestyle. Additionally, tiny houses often foster a sense of freedom, as they require less maintenance and offer more flexibility in terms of mobility and location.

D. In contrast to tiny homes, many traditional houses are designed with far more space than is necessary, often leaving rooms unused and leading to waste. For small families or individuals, these large homes can feel empty and difficult to maintain, creating a disconnect between the amount of space available and the actual needs of the occupants.

E. The tiny house community is known for its strong culture of collaboration and sharing. From building techniques to design tips, people often exchange

knowledge and resources to help each other succeed in their small-space living endeavors. This sense of community is one of the most rewarding aspects of the tiny house lifestyle, fostering connections and mutual support among those who have chosen to downsize.

F. Living in a tiny house might seem like a small, personal choice, but it can have a wider impact. By reducing their consumption and living more sustainably, tiny house residents contribute to larger environmental goals. Their commitment to minimalism and sustainability can inspire others to consider how their own living habits affect the planet.

G. For many, the decision to move into a tiny house represents a profound and lasting change in their lives. It often goes beyond just the physical space, influencing how they spend their time, money, and energy. This shift in lifestyle can lead to more meaningful and fulfilling experiences, as people become more focused on what truly matters and less on material possessions.

ĐÁP ÁN PART 4: TINY HOUSE

1. A. 6 - Live in a small scale (Sống ở quy mô nhỏ)

Đoạn văn:

"Choosing to live in a tiny house is a conscious decision to reduce your living space and simplify your life. By scaling down, people are often able to focus on what truly matters, eliminating unnecessary clutter and distractions. Living on a smaller scale also means fewer household responsibilities, allowing more time for personal interests and hobbies."

Giải thích:

Đoạn này nói về việc sống trong một ngôi nhà nhỏ là quyết định có ý thức để giảm bớt không gian sống và đơn giản hóa cuộc sống. Việc sống ở quy mô nhỏ

giúp mọi người tập trung vào những điều thực sự quan trọng và giảm bớt trách nhiệm trong gia đình. Đây chính là ý nghĩa của tiêu đề "Live in a small scale."

2. B.3 - Motivated to adapt to the situation (Động lực để thích ứng với tình hình)

Đoạn văn:

"One of the biggest challenges of moving into a tiny house is adapting to the limited space. This often requires a shift in mindset, learning to prioritize essentials and making creative use of every square inch. Those who successfully adapt often find that the constraints lead to a more intentional and mindful lifestyle, where each possession and decision holds greater significance."

Giải thích:

Đoạn văn này nói về những thách thức trong việc thích nghi với không gian nhỏ của một ngôi nhà nhỏ. Người ở phải thay đổi cách suy nghĩ và học cách ưu tiên những thứ cần thiết, đồng thời sử dụng sáng tạo từng cm². Việc này đòi hỏi động lực để thích ứng, do đó tiêu đề "Motivated to adapt to the situation" là phù hợp.

3. C. - Advantages of Living in a Small House (Lợi ích của việc sống trong một ngôi nhà nhỏ)

Đoạn văn:

"There are numerous benefits to living in a tiny house, including reduced living costs, lower energy consumption, and a smaller environmental footprint. The simplicity of a small home can lead to a more sustainable and financially secure lifestyle. Additionally, tiny houses often foster a sense of freedom, as they require less maintenance and offer more flexibility in terms of mobility and location."

Giải thích:

Đoạn văn này liệt kê các lợi ích của việc sống trong một ngôi nhà nhỏ như

giảm chi phí sinh hoạt, tiêu thụ năng lượng thấp hơn và dấu chân môi trường nhỏ hơn. Điều này cho thấy rõ ràng tiêu đề "Advantages of Living in a Small House" là chính xác.

4. D - Homes are too big with few people (Nhà quá lớn so với số người ở)

Đoạn văn:

"In contrast to tiny homes, many traditional houses are designed with far more space than is necessary, often leaving rooms unused and leading to waste. For small families or individuals, these large homes can feel empty and difficult to maintain, creating a disconnect between the amount of space available and the actual needs of the occupants."

Giải thích:

Đoạn này nói về việc các ngôi nhà truyền thống thường có quá nhiều không gian so với nhu cầu thực tế của người ở, đặc biệt đối với các gia đình nhỏ hoặc cá nhân, điều này dẫn đến lãng phí. Đây chính là ý nghĩa của tiêu đề "Homes are too big with few people."

5. E - Sharing skills with other people (Chia sẻ kỹ năng với người khác)

Đoạn văn:

"The tiny house community is known for its strong culture of collaboration and sharing. From building techniques to design tips, people often exchange knowledge and resources to help each other succeed in their small-space living endeavors. This sense of community is one of the most rewarding aspects of the tiny house lifestyle, fostering connections and mutual support among those who have chosen to downsize."

Giải thích:

Đoạn này mô tả cộng đồng những người sống trong nhà nhỏ thường chia sẻ kỹ năng và kiến thức với nhau để cùng thành công trong cuộc sống với không gian nhỏ. Điều này tương ứng với tiêu đề "Sharing skills with other people."

6. F - Making a small impact (Tạo ra ảnh hưởng nhỏ)

Đoạn văn:

"Living in a tiny house might seem like a small, personal choice, but it can have a wider impact. By reducing their consumption and living more sustainably, tiny house residents contribute to larger environmental goals. Their commitment to minimalism and sustainability can inspire others to consider how their own living habits affect the planet."

Giải thích:

Đoạn văn này nói về việc sống trong một ngôi nhà nhỏ có thể tạo ra ảnh hưởng lớn hơn đến môi trường. Mặc dù là quyết định cá nhân, nhưng nó có thể góp phần vào các mục tiêu môi trường lớn hơn. Điều này làm cho tiêu đề "Making a small impact" trở nên phù hợp.

7. G - The lasting change (Sự thay đổi lâu dài)

Đoạn văn:

"For many, the decision to move into a tiny house represents a profound and lasting change in their lives. It often goes beyond just the physical space, influencing how they spend their time, money, and energy. This shift in lifestyle can lead to more meaningful and fulfilling experiences, as people become more focused on what truly matters and less on material possessions."

Giải thích:

Đoạn này nhấn mạnh sự thay đổi lâu dài mà việc chuyển vào một ngôi nhà nhỏ mang lại cho cuộc sống của mọi người, vượt qua cả không gian vật lý và ảnh hưởng đến cách họ sử dụng thời gian, tiền bạc và năng lượng. Do đó, tiêu đề "The lasting change" là hoàn toàn phù hợp.

DƯỚI ĐÂY LÀ THỨ TỰ THAM KHẢO KHI ĐI THI:

Part 4. Tiny house

- 1- Live in a small scale
- 2- Motivated to adapt to the situation
- 3- Advantages
- 4- Homes too big
- 5- Sharing skills
- 6- Making a small impact
- 7- The lasting change

